

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 24 tháng 4 năm 2021

Phòng thi: 1 Buổi thi: Sáng (Danh sách dùng để dán tại phòng thi)

(Theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHQN-HĐTĐGNLNN ngày 20 tháng 4 năm 2021)

T T	Mã hồ sơ	Cấp độ	Số báo danh	Phòng thi	Buổi thi	Họ	Tên	CMND	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	HS0001	Bậc 3-5	TA0001	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Hồng Mỹ	Anh	215396337	Nữ	12/11/1997	Bình Định
2	HS0002	Bậc 3-5	TA0002	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thế	Bách	221460081	Nam	10/12/1998	Phú Yên
3	HS0003	Bậc 3-5	TA0003	Phòng 1	Sáng	Hồ Văn	Ban	211689911	Nam	31/12/1979	Bình Định
4	HS0004	Bậc 3-5	TA0004	Phòng 1	Sáng	Phan Thị Lan	Chi	221392488	Nữ	17/7/1996	Phú Yên
5	HS0005	Bậc 3-5	TA0005	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Minh	Chiến	231220055	Nam	04/11/1997	Gia Lai
6	HS0006	Bậc 3-5	TA0006	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Đình	Chương	221375957	Nam	06/7/1994	Phú Yên
7	HS0007	Bậc 3-5	TA0007	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Thanh	Chương	221419435	Nữ	30/8/1996	Phú Yên
8	HS0008	Bậc 3-5	TA0008	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Quốc	Cường	221453623	Nam	20/11/1998	Phú Yên
9	HS0009	Bậc 3-5	TA0009	Phòng 1	Sáng	Lê Thị Bích	Dân	221414701	Nữ	14/7/1997	Phú Yên
10	HS0010	Bậc 3-5	TA0010	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Trần Đăng	Danh	221444328	Nữ	26/11/1997	Phú Yên
11	HS0011	Bậc 3-5	TA0011	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	212832438	Nữ	15/7/1998	Quảng Ngãi
12	HS0012	Bậc 3-5	TA0012	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Thùy	Dung	221443253	Nữ	28/12/1996	Phú Yên
13	HS0013	Bậc 3-5	TA0013	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Tiên	Dũng	221462269	Nam	07/9/1998	Phú Yên
14	HS0014	Bậc 3-5	TA0014	Phòng 1	Sáng	Võ Thị Hà	Duyên	225343398	Nữ	11/10/1990	Khánh Hòa
15	HS0015	Bậc 3-5	TA0015	Phòng 1	Sáng	Đặng Trường	Giang	221242643	Nam	26/12/1989	Phú Yên
16	HS0016	Bậc 3-5	TA0016	Phòng 1	Sáng	Trương Thị Ái	Hà	215417498	Nữ	12/02/1997	Bình Định
17	HS0017	Bậc 3-5	TA0017	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Thu	Hà	215417088	Nữ	02/9/1997	Bình Định
18	HS0018	Bậc 3-5	TA0018	Phòng 1	Sáng	Trương Thị	Hà	221455730	Nữ	07/4/1998	Phú Yên
19	HS0019	Bậc 3-5	TA0019	Phòng 1	Sáng	Lê Thị Thúy	Hằng	221335055	Nữ	06/10/1992	Phú Yên
20	HS0020	Bậc 3-5	TA0020	Phòng 1	Sáng	Y	Hanh	233238317	Nữ	03/01/1998	Kon Tum
21	HS0021	Bậc 3-5	TA0021	Phòng 1	Sáng	Đoàn Cẩm	Hậu	215408003	Nữ	28/02/1997	Bình Định
22	HS0022	Bậc 3-5	TA0022	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Như	Hiền	221311402	Nữ	22/8/1992	Phú Yên
23	HS0023	Bậc 3-5	TA0023	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệu	215284889	Nữ	30/9/1993	Bình Định
24	HS0024	Bậc 3-5	TA0024	Phòng 1	Sáng	Đặng Thị Hương	Hoa	215248295	Nữ	28/02/1994	Bình Định
25	HS0025	Bậc 3-5	TA0025	Phòng 1	Sáng	Lê Thị Ngọc	Hộp	221482775	Nữ	18/12/1999	Phú Yên
26	HS0026	Bậc 3-5	TA0026	Phòng 1	Sáng	RaHLan H'	Huệ	230965639	Nữ	17/02/1993	Gia Lai
27	HS0027	Bậc 3-5	TA0027	Phòng 1	Sáng	Võ Văn	Hùng	221552956	Nam	02/10/1979	Đà Nẵng
28	HS0028	Bậc 3-5	TA0028	Phòng 1	Sáng	KPá	Hưng	221116451	Nam	06/02/1983	Phú Yên
29	HS0029	Bậc 3-5	TA0029	Phòng 1	Sáng	Võ Thị	Hương	215448479	Nữ	24/9/1999	Bình Định
30	HS0030	Bậc 3-5	TA0030	Phòng 1	Sáng	Trần Đức	Huy	215304633	Nam	30/6/1994	Bình Định
31	HS0031	Bậc 3-5	TA0031	Phòng 1	Sáng	Huỳnh Võ	Huy	215300295	Nam	10/3/1992	Bình Định
32	HS0032	Bậc 3-5	TA0032	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Quốc	Huy	215298121	Nam	19/12/1994	Bình Định
33	HS0033	Bậc 3-5	TA0033	Phòng 1	Sáng	Phan Văn	Kha	215303881	Nam	18/4/1995	Bình Định
34	HS0034	Bậc 3-5	TA0034	Phòng 1	Sáng	Đỗ Thị Minh	Kha	221416032	Nữ	16/01/1997	Phú Yên
35	HS0035	Bậc 3-5	TA0035	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Quang	Khải	215297235	Nam	03/9/1994	Bình Định
36	HS0036	Bậc 3-5	TA0036	Phòng 1	Sáng	Lê Học Anh	Khoa	221420517	Nam	19/10/1996	Phú Yên
37	HS0037	Bậc 3-5	TA0037	Phòng 1	Sáng	Lê Thúy Anh	Kiều	215339874	Nữ	11/12/1998	Bình Định

T T	Mã hồ sơ	Cấp độ	Số báo danh	Phòng thi	Buổi thi	Họ	Tên	CMND	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
38	HS0038	Bậc 3-5	TA0038	Phòng 1	Sáng	Lê Thị	Lại	221438179	Nữ	05/7/1997	Phú Yên
39	HS0039	Bậc 3-5	TA0039	Phòng 1	Sáng	Phạm Minh	Lâm	215426304	Nam	05/5/1998	Bình Định
40	HS0040	Bậc 3-5	TA0040	Phòng 1	Sáng	Huỳnh Thị	Lâm	221443161	Nữ	11/3/1997	Phú Yên
41	HS0041	Bậc 3-5	TA0041	Phòng 1	Sáng	Đỗ Nhật	Lệ	230953569	Nữ	08/11/1994	Gia Lai
42	HS0042	Bậc 3-5	TA0042	Phòng 1	Sáng	Trần Thị	Lệ	215243676	Nữ	25/9/1992	Bình Định
43	HS0043	Bậc 3-5	TA0043	Phòng 1	Sáng	Văn Thị Mỹ	Linh	221437732	Nữ	22/3/1997	Phú Yên
44	HS0044	Bậc 3-5	TA0044	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Lê Phương	Linh	221433838	Nữ	14/3/1999	Phú Yên
45	HS0045	Bậc 3-5	TA0045	Phòng 1	Sáng	Lê Hoàng	Long	215488206	Nam	20/8/1999	Bình Định
46	HS0046	Bậc 3-5	TA0046	Phòng 1	Sáng	Nguyễn Thị Thành	Lưu	221337806	Nữ	22/12/1994	Phú Yên
47	HS0047	Bậc 3-5	TA0047	Phòng 1	Sáng	Võ Phong	Lưu	220875230	Nam	10/11/1972	Phú Yên
48	HS0048	Bậc 3-5	TA0048	Phòng 1	Sáng	Nay Y	Méo	221205426	Nam	06/5/1986	Phú Yên

Danh sách gồm có 48 thí sinh

